

## Nên làm gì cho các nhu cầu luân lý và đạo đức trong xã hội loài người?

*[Bài này được viết ra để tiếp tục cuộc đối thoại với bà Ngô Thị Quý Linh (NQL) sau khi người viết có cơ hội đọc hai bài của bà viết về các đề tài nho học, luân lý và đạo đức.]*

Người viết này không chính thức nhận được bài phản hồi của bà NQL nhưng biết rằng bà đã gửi đến một số thân hữu thường gặp trên các diễn đàn Việt ngữ nên xin hồi âm gián tiếp qua *internet*. Bài tiểu luận đầu tiên của tác giả NQL về đề tài phục hưng nho học cho tôi thấy rằng tác giả không biết chữ Hán và đặt căn cứ lập luận của bà trên cái gọi là "tứ thư-ngũ kinh" cho dù thật sự ra bà chỉ có thể dùng các tác phẩm về nho học của các giả Việt Nam tiền bán tk. XX thay vì có khả năng đọc và hiểu các cổ thư Hán lẫn Hán-Việt. Sau khi được tôi nêu ra rằng nho học thật sự ra không phải là một môn học chỉ chuyên về đạo lý Khổng-Mạnh mà là cái học về những kiến thức trong mọi lãnh vực của người Tàu xưa, bằng cách đọc các tác phẩm viết bằng chữ Hán, thay vì trả lời ý kiến "khác thường" đó, tác giả thách thức người viết đưa ra bằng chứng rằng các dịch giả Hán-Việt nổi tiếng đã từng "phản dịch" và tạo cảm tưởng nơi người đọc rằng: tôi tự hào có "chữ nghĩa thánh hiền" trong đầu từ thời bé.

Bà lơ đi sự kiện – hay có thể không hiểu – rằng, đối với tôi, 'chữ nghĩa thánh hiền' chỉ là một thành ngữ đồng nghĩa với chữ Hán và cổ thư, và không có hàm ý rằng người viết có ảo vọng nổi bước Khổng Tử hay các người được người đời gọi chung dưới cụm từ thánh hiền. Theo chính lời Khổng Tử, thánh là bậc siêu nhiên, và theo tôi, đã là siêu nhiên thì, cũng như thượng đế hay ma quỷ, không có thật. Đã không thật thì dĩ nhiên chữ nghĩa thánh hiền chỉ có thể là những khái niệm nhân tạo, chưa hẳn đã đúng, nên theo, vì đời có câu 'nhân bất thập toàn'! Trong hai bài bình luận trước, tôi nêu ra rằng các lý thuyết Khổng-Mạnh, đặt căn bản trên thuyết thiên mệnh, đã lỗi thời từ lâu rồi vì không thể phù hợp với những kiến thức nhân loại đã thu thập qua 2500 năm trong các bộ môn tâm lý, sinh-hóa học, thuyết tiến hóa, v.v... Tại sao tôi lại đại dột hãnh diện vì có một mớ chữ nghĩa thánh hiền đó trong đầu?

Nếu chữ nghĩa thánh hiền và lối học theo người xưa qua Tứ Thư-Ngũ Kinh là có giá trị và giúp xã hội-quốc gia bình an, vững bền thì tại sao các triều đại Hoa Lục từ thời Xuân Thu thay nhau sụp đổ, không chỉ vì nội chiến hay ngoại xâm, cho dù triều đình và đất nước được điều hành bởi những nho gia văn hay chữ tốt nhất nước? Các đảng Cộng Sản Hoa Lục và Việt Nam thành công một phần vì biết dùng chiêu bài bãi bỏ tàn tích phong kiến, hủ hoại; một phần vì biết khơi động lòng người dân chán ghét những bất công, phi lý, bất lực của thể chế quân chủ; thế thì học lại một nền móng luân lý-đạo đức với căn bản trên thuyết thiên mệnh ích gì cho nhân loại? Từ thời trung học chúng ta đã

nghe lời khuyên tránh “đi theo vết xe đổ” và y như rằng học lại chữ nghĩa thánh hiền là tiếp tục làm chuyện đó!

Bất cứ người nào quan tâm đến thời cuộc, đến những thủ đoạn tranh chấp chính trị trên toàn thế giới giữa hai phe cực tả và cực hữu cũng đã có vài lúc ưu tư và nghĩ đến nhu cầu giải quyết sự thoái hóa - dường như hư ảo - của hành vi con người trong các lãnh vực luân lý và đạo đức. Nhưng có thật lỗi con người hành xử đã thoái hóa, hay có thể rằng từ khi cái gọi là nền văn minh cơ khí (nhờ các khám phá và lý thuyết khoa học) khởi đầu thì con người cũng nhận thức rằng những nhu cầu luân lý, đạo đức thời nay không còn giống những gì trong thời Khổng Tử, Thích Ca, Jesus, hay Muhammad? Không còn giống là vì luân lý-đạo đức là những khái niệm nhân tạo và khi nhân loại “tiến triển” thì các khái niệm đó cũng thay đổi theo. Chúng ta có khuynh hướng xem các thiên tai và nhân tai tưởng thuật trên các môi trường truyền thông như là kết quả hay bằng chứng của những suy thoái đạo đức và luân lý đương thời nhưng quên bài học lịch sử rằng không có gì lạ dưới ánh mặt trời.

Dù sao chăng nữa, ý nguyện/nỗ lực tìm một giải pháp để đem lại bình an và công bằng giữa người và người là chuyện nên có hay làm, ít nhất để cho người có hoài bão đó thấy đời đáng sống và sự hiện hữu của chính ta trên trần thế này có ý nghĩa. Nhưng nên viết, hay có quyền viết là một chuyện, phê bình các ý kiến nêu ra là chuyện khác, cũng quan trọng không kém. Quyền tự do tư tưởng và ngôn luận đưa đến nhu cầu bày tỏ cảm nghĩ của ta trên một môi trường nào đó, hoặc sách báo, video, hay internet. Điều phiền toái là nếu ta không thể khách quan, và dùng những tài liệu không rõ giá trị để hỗ trợ lập luận của ta thì có lẽ không nên viết là hơn vì i) công trình tâm huyết của ta có thể không có giá trị gì hết và ii) ta có thể sẽ bị phê phán bất lợi!

Trong thư trả lời thứ nhì, tác giả NQL dùng những lập luận y như người viết này đã tiên đoán. Bà có thể - và dĩ nhiên có quyền - không đồng ý với tôi nhưng chỉ đưa ra những bằng chứng để bảo tôi sai lầm trên các lãnh vực Hán học và lịch sử, và hình như bà không biết nên bàn thế nào về các nhận xét và ý kiến của tôi về nho học, luân lý, đạo đức. Những gì bà đưa ra có một mục đích là để người đọc tin rằng bà ta hiểu chữ nghĩa thánh hiền hơn người viết, cho dù bà thú nhận là không biết chữ Hán. (Và bà không biết rằng tôi chỉ viết những gì tôi biết/hiểu, có thể kiểm chứng, và tôi không đoán hay suy luận đại theo lối chủ quan.) Không biết chữ Hán nhưng lại trích văn từ các tác phẩm dịch hay bàn về ý nghĩa chữ Hán là chuyện không nên làm, vì lý do dễ hiểu nhất là tác giả không thể biết được các tác phẩm bà dùng có giá trị gì chẳng! Đã đành rằng Phan Bội Châu, Trần Trọng Kim, Nguyễn Hiến Lê là những người có tiếng tăm trên văn đàn Việt, khả năng Hán học của họ có giá trị thế nào là một ... ẩn số cho những người không đọc được chữ Hán!

Đối thoại trên căn bản cổ thư là dùng sở đoán của mình để phản bác sở trường của người và đó là việc bà NQL đang làm. Người viết này đã thấy một hiện tượng đáng buồn rằng nhiều người hăng say nói/viết vì biết đại đa số

người nghe/đọc thiếu khả năng hay kiên nhẫn để kiểm chứng. Trong khuôn khổ bài viết này, bao nhiêu người đọc có khả năng kiểm chứng những gì bà NQL và tôi nêu ra liên hệ tới Tứ Thư-Ngũ Kinh bằng chữ Hán? Từ nửa thế kỷ trước, nghiên cứu cho biết rằng chỉ ~25% khảo cứu trong các lãnh vực y/khoa học thật sự có giá trị. Tôi đã đọc hàng ngàn khảo cứu – (kiến thức y/khoa học của tôi đến từ các tài liệu chuyên khoa, không chỉ từ sách báo viết cho đại chúng) - từ đạo đó và vẫn phải chấp nhận rằng tình trạng rất đáng buồn này không thay đổi.

Làm sao để một người không chuyên môn biết được rằng có thể tác giả NQL sai và người viết này đúng?! Trên đời này rất ít người biết, hay hiểu, rằng muốn dùng một tác phẩm làm căn bản cho lập luận của ta, ta phải có khả năng *critical reading/lecture critique* [trong Anh, Pháp ngữ] để biết được tài liệu ta đang dùng có giá trị gì chẳng. *Critical reading* gồm khả năng nhận chân những điều phi lý, tương phản, không ổn, v.v... trong một tài liệu/tác phẩm và để biết không nên phí thì giờ trên đó. Đây là chuyện không dễ làm khi ta nói đến việc đọc và trích đăng từ các cuốn sách *Nho Học* (của TTK), *Khổng Học Đẳng* (PBC), hay các sách của Nguyễn Hiến Lê vì ít ai có đủ kiến thức về Hán học, so sánh và kiểm chứng với nguyên tác chữ Hán để biết các tác giả đó dịch và hiểu đúng chẳng. Tôi có các cuốn *Nho Học* và *Khổng Học Đẳng* và vài phiên bản điện tử tứ thư, ngũ kinh chữ Hán nhưng không cần phải gỡ chúng ra để tìm bằng chứng cho hiện tượng phản dịch vì chính tác giả NQL đã vô tình cung cấp dữ kiện cho tôi khi bà chỉ dùng toàn sở đoản để đối thoại.

Sở đoản ở đây là không biết cách tra cứu và đọc chữ Hán. Bà gợi ý rằng người viết này cũng không rành chữ Hán nên không phân biệt được hai từ 於 và 于. Đây là hai từ dùng cho liên từ/khái niệm chỉ thời gian, nơi chốn và cùng có những nghĩa tới, tại trong tiếng Việt. Hai chữ Hán đó viết thành *yú, yū, wū* trong bính âm và phát âm thành ư hay vu trong tiếng Việt. Phát âm, viết lỗi nào thì nghĩa cũng vẫn thế, cho dù phần thể 於 ra đời trước giản thể 于. Và cách sách báo Hoa Lục ra đời sau 1950 dùng giản thể. Dĩ nhiên bà NQL không biết được điều đó vì hình như chính đa số các người soạn từ điển Hán-Việt trong hậu bán tk XX cũng không rành luôn!

Một ví dụ nữa cho sở đoản của bà NQL là nơi việc trích dẫn từ cuốn *Nho Học*. Trong bài viết về nho học, bà dẫn chứng một đoạn văn có cụm từ “hương nguyện” mà tôi chưa hề biết đến và chỉ có thể đoán rằng hai chữ đó nói về những thầy đồ không “tốt”. Giờ đọc lại cuốn *Nho Giáo* thì tôi thấy:

*Người quân-tử phải theo đạo lý mà có cái định kiến của mình, không ô-mị theo thói đời như bọn hương-nguyện. Hương-nguyện là hạng người tầm-thường không có kiến-thức, chỉ a-dua theo người ta. Hạng người ấy thật đáng ghét. Cho nên Khổng-tử nói rằng: « Hương-nguyện đức chi tặc giả [sic] 鄉原德之賊也: Hương-nguyện là hại đức vậy. » (Luận-ngữ: Dương-*

Hóa, XVII). Hương là quê-kêch, nguyện là người ta thích thế nào thì mình cũng theo thế. (tr. 183)

[Khái niệm 定見=định kiến hình như là một từ du nhập từ tiếng Nhật, không có trong các từ điển chữ Hán và có lẽ Trần Trọng Kim không nhận thức được rằng định kiến là một tình trạng tâm thức chủ quan, chưa hẳn đồng nghĩa với đúng hay hay! Người chỉ cư xử theo định kiến của ta thì không thể là quân tử vì sẽ thiếu sự mềm dẻo cần thiết để đối ứng với tình thế và hành xử trung dung.]

Nếu ta dùng *Wiktionary* tra cứu 鄉原 thì sẽ được đưa tới cụm từ phồn thể 鄉愿 với nghĩa *hypocrite*, dịch sang Hán-Việt thành "giả nhân giả nghĩa". Chữ 鄉 trong trường hợp này phát âm là "hướng" (với các nghĩa theo, phương hướng, ước muốn, *to wish*); và 原=nguyện có nghĩa ngưỡng mộ, bắt chước. 鄉原 phải được phát âm là 'hướng nguyện', không phải 'hương nguyện' và cái nghĩa người nhà quê thô kệch của TTK không có ... nghĩa gì cả! Vì tiếng Tàu có rất nhiều từ đồng âm và nhiều khi người nghe không hiểu một đơn từ nếu không biết ngữ cảnh của nó người Tàu có thói quen tạo từ kép dùng hai từ không đồng âm nhưng đồng nghĩa để người nghe/đọc bớt hiểu lầm; đó là trường hợp của từ kép 鄉原=*hướng nguyện* nên 鄉 ở đây không phải là hương với nghĩa làng hay quê! Nếu chính TTK còn hiểu sai cổ văn thì các tài liệu bà Quý Linh dùng có giá trị gì?!

Tất cả các nghĩa cho từ 親=*thân* trong Thiều Chửu, Trần Văn Chánh, Nguyễn Quốc Hùng mà bà NQL dùng toàn là nghĩa của người tân thời hiểu, không hẳn đã là nghĩa của thời Khổng Tử nhưng bà NQL chỉ chọn nghĩa bà ta muốn hiểu và dùng. Nếu bà ta dùng 𡗗 của Đặng Thế Kiệt thì sẽ được nghĩa chót, sau 14 nghĩa khác:

◆ (Phó) Tự mình, trực tiếp. ©Như: **thân tự động thủ** 親自動手 tự tay làm lấy, **sự tất thân cung** 事必親躬 sự ấy tất tự mình phải làm.

và mấy ai biết rằng cái nghĩa chót này là nghĩa có từ thời Xuân Thu? vì nghĩa 'tự mình' là nghĩa nguyên thủy trên chuông Khắc thời nhà Chu: 親: 金文表示親自, 克 鐘: 「王親令(命)克遷涇 東至于京自(師).」 *thân*: kim văn biểu thị thân tự, khắc chung: 「vương thân lệnh (mệnh) khắc duật kính đông chí vu kinh đỗi (sư).」 [đại khái: thân nghĩa là tự mình trong kim văn, (câu) trên Khắc chung: vua tự ra lệnh Khắc Duật về kinh đô tiết đông chí.] 𡗗 Đặng Thế Kiệt dịch các nghĩa trong *screenshot* ở trên từ *Wiktionary* và nghĩa 11 ở đó là thế này:

親 11. *personally; in person;*

Thay vì biết chọn từ điển nào và nghĩa hợp với thời điểm của nguyên tác thì bà QL chỉ biết chẻ chữ làm đôi và nói về các danh từ Xuân Thu vs. Chiến Quốc! Trường hợp từ 仁 cũng tựa như thế vì nó là từ hội ý, vẽ hai người, hay liên hệ giữa hai người. Trong *Tả Truyện* có câu: 親仁, 善鄰, 國之寶也. *thân nhân,*

*thiện lân, quốc chi bảo dã* [người thân, láng giềng tốt là bảo vật trong nước.]. Chữ 仁 chỉ có thể hiểu là danh từ người (không phải ta) được tính từ 'thân' bổ nghĩa, không phải là tính từ hay động từ, cũng tựa như tính từ 'thiện' bổ nghĩa cho danh từ 'lân'. Điều khó khăn chính khi đọc cổ văn là phải suy ra chức phận văn phạm của mỗi từ, hay mỗi cụm từ, mới mong hiểu được nghĩa của từng chữ trong toàn bối cảnh của câu.

Tôi tò mò xem Trần Trọng Kim hiểu một câu nói của Khổng Tử như thế nào và thấy ở trang 246:

*Người trên phải giữ mình cho ngay chính và làm việc gì cũng phải giữ cái danh cho chính-đính. Một hôm thầy Tử-Lộ hỏi Khổng-tử rằng: « Giá như vua nước Vệ cậy thầy sửa việc chính-trị, thì thầy làm việc gì trước ? — Khổng-tử trả lời rằng: « Tất giả [sic] chính danh hồ 必也正名乎: Ất là phải sửa cái danh cho chính — Có đâu thế, thầy nói vu-khoát quá. Sửa danh cho chính để làm gì?*

Tất cả các tài liệu tiếng Việt tôi thấy có câu chữ Hán đó đều dịch 正 thành "chính" [dấu sắc] nhưng dịch như thế thì người nghe/đọc cũng không hiểu gì hơn Tử Lộ! Từ 正 còn phát âm "chỉnh" [dấu hỏi], với nghĩa động từ là sửa cho đúng, và câu đó nếu chuyển âm đúng thì phải là "*tất dã chỉnh danh hồ*". Và động từ chỉnh ở đây là để nói về nhu cầu sửa lỗi gọi/xem vua nước Vệ thế nào chứ không phải để sửa cái danh của Khổng tử! Vì không biết/hiểu rằng đoạn văn này đang nói về luân lý trong xã hội quân chủ, người đời sau nghĩ rằng đây là đoạn văn mở đầu cho thuyết chính danh. Nếu chính học trò Tử Lộ của thầy Khổng còn không hiểu được lời thầy thì mong gì người thời nay, không còn đọc được chữ Hán chân phương, hiểu và chọn cái gì trong tứ thư ngũ kinh làm phương châm hành xử? [mời đọc [Chính Danh và Thời Cuộc \(Cái Đĩnh\)](#)]

Như người này đã viết trong một bài trước, 倫理=luân lý là những quy tắc để bảo vệ tôn tri trật tự trong xã hội vì 倫=luân có nghĩa là 輩=bối, cấp bậc. Luân lý là những khái niệm nhân tạo, được đặt ra theo kiến thức và nhân sinh quan của mỗi một người, tùy theo lương tâm-conscience của người đó. Luân lý của người vô thần khác với người hữu thần, và luân lý người thờ Phật khác với luân lý của người tin vào Jesus. Mỗi người có một luân lý cá nhân còn luân lý xã hội là luân lý mà người trong xã hội đã bị nhồi sọ từ gia đình, trường học, chùa, nhà thờ, hay từ các cơ sở tuyên truyền của chính quyền. Phong trào *MeToo* trên khắp thế giới ra đời trong tk. XXI thể hiện phản ứng của phái nữ sau hàng ngàn năm chịu đựng cái nền luân lý thật sự ra được xây dựng bởi phái nam để thỏa mãn tính dục, thực thi nhu cầu bảo tồn dòng dõi, và duy trì sự bất bình quyền nam-nữ.

Thời Đệ nhất Cộng hòa, con dân Việt thường nghe câu "quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách", một câu thuộc loại luân lý để khuyến khích người thường dân đóng góp trách nhiệm cứu nước (bằng cách tòng quân hay bỏ phiếu cho đảng cầm quyền.) Mãi tới vài năm trước tôi tò mò tìm nguồn gốc của câu Hán-

Việt này thì chứng hững vì tìm không ra trên *internet* chữ Hán. Tìm không ra vì câu nguyên ủy (từ *Nhật Trí Lục* của Cố Viêm Vũ, một học giả giữa tk. XVII thời Minh mạt Thanh sơ với chí hướng phản Thanh, phục Minh) là thế này:

天下興亡,匹夫有責 *Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách*

國之興亡,肉食者謀 *Quốc chi hưng vong, nhục thực hữu mưu*

[Hai câu đó có nghĩa rằng vận mệnh của dân (Tàu) là trách nhiệm của người thường dân, nhưng vận mệnh của nước (Tàu) là trách nhiệm của người cầm quyền. 肉食=*nhục thực* là người có tiền của, địa vị, có thịt mà ăn.]

Một chính khách Việt (tổng trưởng bộ Thông Tin thời đó) chỉ cần đổi hai chữ đầu câu để xúi dân đen làm con chốt thí thân cho tham vọng chính trị của họ. Ý niệm luân lý xã hội hàm ẩn trong hai câu đó vì xã hội, trong mắt chính khứa, được chia làm hai: giai cấp lãnh đạo nhục thực và giai cấp tiện nhân, hay thất phu-tổ thực (素食=*tổ thực* là người ăn chay vì nghèo, không có thịt để ăn!) Trường hợp này không hẳn là một ví dụ cho hiện tượng phản dịch nhưng là bằng chứng rằng những người không biết chữ Hán sẽ bị các ma đầu chính trị thao túng qua khái niệm luân lý.

Các người có khả năng ngoại ngữ có thể đã gặp nhiều bình luận cho vấn nạn tại sao thượng đế của thiên chúa giáo cho nhiều người với những hành vi vô luân được nắm những chức vụ quan trọng hàng đầu trong chính trường thế giới và làm sao các giáo hội thiên chúa giáo lại có thể tiếp tục ủng hộ những người vô luân như thế. Các người đó đã và đang hiện diện trong công sở, chùa, nhà thờ nhưng người ta chỉ tránh không nói đến nguyên nhân tín ngưỡng vì há miệng thì mắc quai! Vì thế, cho dù bình luận thì có, ít ai dám đả động đến các khía cạnh tín ngưỡng hay những bất bình đẳng và bất công trong một xã hội trọng nam khinh nữ.

Dĩ nhiên bà NQL phải trích những đoạn văn các người phe bảo hoàng viết, hay từ chính hồi ký của Bảo Đại để nói tốt cho ông ta. Câu hỏi ta nên tự đặt ra là bao nhiêu phần trong các giai thoại đó có thật dưới cái nhìn khách quan và phản ảnh gì khả năng chính trị hay luân lý của Bảo Đại. Bà NQL có biết giai thoại có thật này: được sĩ giàu sụ Phan Văn Giáo (sinh 1904) mê chơi tennis như Bảo Đại và trở thành bạn thân của hoàng đế nên được phong các chức quốc vụ khanh tổng trấn Trung Phần (5-1948), thủ hiến Trung Việt (7-1949), phó thủ tướng (6-1952) rồi bị Pháp ép phải từ chức 5 tháng sau.

Thành quả của tay chơi tennis này? Lúc người viết này chừng 6-7 tuổi (1952-3), y nghe phong phanh "thủ hiến Phan Văn Giáo hiếp dâm học trò Đồng Khánh", và bây giờ trên *internet* có vài bài viết về sự kiện xấu hổ, thảm họa cho nhiều nữ sinh Đồng Khánh này. Mới có 6-7 tuổi nhưng "giai thoại" đó chui vào đầu và không hề quên cho dù dạo đó người viết chẳng biết thủ hiến Trung Phần là cái quái gì. Hơn nửa thế kỷ sau tôi đi tìm tài liệu về Minh Đức Hoài Trinh và thấy một bài do Hoàng Phủ Ngọc Tường (hay Nguyễn Đắc Xuân?)

viết về cô ta và kể rõ rằng, lúc cô theo kháng chiến, cô được Đặng Thái Mai (cha vợ của Võ Nguyên Giáp) cưng chiều, và theo phái đoàn Hà Nội vào Huế thương thuyết với thủ hiến Phan Văn Giáo. Chuyện gì xảy ra sau đó không ai hay, (hay biết mà không dám nói) nhưng cô "bị" mẹ (vợ của Võ Chuẩn, tổng đốc Quảng Nam) gả cho ngài thủ hiến gian dâm ngay sau đó. Không ai biết hậu vận của cuộc hôn nhân đó ra sao, và không thấy ai nhắc đến PVG khi MĐHT sang Pháp năm 1964, ta chỉ biết PVG chết tại Pháp năm sau. Hoàng Phủ Ngọc Tường viết mập mờ rằng nguyên ủy của bài thơ/nhạc *Kiếp Nào Có Yêu Nhau* ghi lại nguyên ủy việc hôn nhân với PVG. Có lẽ rằng người viết là một trong những người Huế hiếm hoi còn nhớ thành quả "chính trị" này của Bảo Đại. Và chuyện xuống phố Genève mua đồng hồ được nói đến rầm rộ trên các hệ thống viễn thông sau khi cái đồng hồ được bán năm 2017, qua đấu giá, trên 5 triệu đô la, chiếc đồng hồ Rolex đặc nhất thế giới, và người ta phải nhắc đến bối cảnh chia đôi Việt Nam khi đó.

Có lẽ ít ai biết rằng nghĩa nguyên thủy của cụm từ chính trị không phải là đường lối cai trị đất nước đúng – đúng theo tiêu chuẩn nào, do ai bày đặt ra?! – nhưng là đường lối, quy luật áp đặt trên người dân để họ không làm loạn hay gây xáo trộn trong xã hội. Từ 政=*chính* có nghĩa nguyên thủy là chinh phạt, kiểm chế và 治=*trị* là trị thủy để ngăn ngừa lũ lụt do các sông Đại Cô và Tiểu Cô ở Sơn Đông. Một cách kiểm chế dân chúng bất bình 'tức nước vỡ bờ', để ngừa loạn lạc là đặt ra luân lý xã hội và nhồi sọ người dân phải tuân thủ. Vì luân lý xã hội là nhân tạo, các nguyên tắc của luân lý, và đạo đức, sẽ phải thay đổi dần với thời gian, phản ánh những thay đổi, hay tiến triển, của kiến thức và văn hóa. Thế có nghĩa rằng ta đừng mong gì học luân lý của người xưa để thế giới được thái bình thịnh trị, trừ khi ta không ngại sống trong những thể chế thần quyền hay độc tài.

Nguyên tắc hành xử người viết này theo chỉ gồm các ý nguyện: sống và hành xử thế nào để không thẹn với lương tâm của ta, để thấy sự hiện hữu của ta trên cõi trần ai này có ý nghĩa. Một chút xíu ý nghĩa thôi vì người viết này không có tham vọng cứu nhân độ thế và không đủ điên khùng để ép đặt luân lý riêng của mình trên tha nhân, hay bắt chước người đời đi theo những vết xe đổ. Luân lý Khổng-Mạnh chỉ là những vết xe đổ mà có lẽ sẽ không ai nói đến nếu Tập Cận Bình không có tham vọng được người Hoa Lục xưng tụng vạn vạn tuế. Và vì người viết là người vô thần, luân lý và đạo đức của y là một, đặt trên nhân bản – theo lối y hiểu – thay vì trên thiên ý huyền hoặc hay kinh điển nhân tạo. Cũng giống như trường hợp các khảo cứu y/khoa học, người đọc nên nhớ, hay cần biết, rằng nghiên cứu tân thời cho thấy đại đa số dữ kiện trong kinh điển của nhà Phật và nhà Chúa đều là hư cấu không được ngành khảo cổ hỗ trợ. Tuân thủ hay không các nguyên tắc luân lý-đạo đức suy diễn từ các kinh điển tùy thuộc vào một yếu tố độc nhất: nhu cầu có đức tin của mỗi một cá nhân. Và vì tôn giáo có thể được xem như thuốc phiện của quần chúng, quần chúng sẽ luôn luôn bị nhồi sọ trong một hệ thống luân lý-đạo đức nào đó.

Nhu cầu có đức tin là một bản năng của nhân loại, và có thể của mỗi một sinh vật trong hoàn vũ. Quyền tự do tín ngưỡng là một quyền tuyệt đối, hoàn toàn độc lập với bất cứ quyền lực nào, kể cả quyền lực của chính quyền, giáo hội, cha mẹ. Nhưng mỗi người phải được tự do chọn/lập các nguyên tắc luân lý cho chính mình, và mỗi một cá nhân cần hiểu rằng các nguyên tắc luân lý đó chỉ áp dụng cho riêng họ vì người tha nhân, với hoàn cảnh sống riêng tư của họ, có nhân sinh quan khác và tiêu chuẩn riêng tư để tạo ý nghĩa cho sự hiện hữu của họ trên đời. Tư tưởng gia, triết gia, v.v... có viết ngàn vạn tác phẩm dưới những các lối nhìn và lập luận thiếu tính khách quan cũng phải đồng ý rằng các tôn giáo và triết lý đều dựa trên những nguyên tắc luân lý căn bản: sống vị tha, bất vị kỷ; không giết/hại người, tham dâm, lường gạt, trộm cướp. Nếu người thời nay không làm được thế thì lý do chính chỉ vì rằng, trong một xã hội duy vật, mạnh được yếu thua, những người cảm thấy mình thiếu thốn hay thua thiệt sẽ bị nổi bất an hiện sinh tiềm ẩn dày vò nhiều hơn và tìm cách bù đắp nhược điểm của mình. Không có bộ luật nào toàn hảo vì luật lệ được đặt ra để bảo vệ an ninh cộng đồng – vì thế mà đời có câu “luật để ra luật” - không phải để bảo vệ mỗi và mọi cá nhân. Cũng tựa như thế, không có hệ thống luân lý-đạo đức nào toàn hảo vì chúng chỉ phản ánh nhân sinh quan của tầng lớp sáng tạo và áp đặt chúng trên cộng đồng-xã hội. Chúng chỉ có lợi cho giai cấp có quyền lực, hay có khả năng thao túng dư luận.

Và đó là sự thực đáng buồn về luân lý-đạo đức trong xã hội. Những người bàn luận cao siêu về luân lý-đạo đức quên nghĩ rằng những người “thất học”, hay những người trong thời nạn mù chữ còn lan tràn khắp thế giới, vẫn có luân lý và tự nhiên biết tránh lối sống vô luân. Họ không cần học từ ai cả, chỉ xin được hai chữ bình an để có thể mưu sống. Và bất an, nhân tai vẫn thường xuyên xảy đến cho cộng đồng khi người có quyền lực sống vị kỷ và chỉ biết thủ lợi dưới chiêu bài bảo tồn luân lý-đạo đức. Người viết này không thờ Phật – vì Phật chỉ là một huyền tưởng - nhưng chấp nhận rằng kiềm chế nhu cầu hành xử vị kỷ và sống vị tha như Thích Ca khuyên bảo là sống có luân lý; và lối sống có luân lý đó có thể thực hiện bất cứ nơi nào và lúc nào, không cần phân biệt xã hội, văn hóa, hay sắc tộc.

Mặc Ngôn  
mirordor@gmail.com

T.B. Cho các độc giả nào thắc mắc hay muốn kiểm chứng thì các dữ kiện về ngữ nguyên và ý nghĩa các từ ngữ Hán-Việt đến từ trang từ điển trực tuyến [漢語多功能字庫 \(Hán Ngữ Đa Công Năng Tự Khố\)](#).